TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BĐ, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **121**/2023/DS-ST
Ngày: 09/10/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BĐ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích.

2. Ông Nguyễn Tường Bích.

- ***Thư ký phiên Tòa:*** Ông Trần Minh Quyền -Thư ký Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo L - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 141/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 131/2023/QĐST-DS ngày 21 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Trúc P**, sinh năm 1990 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Chợ, xã TL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1969 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Sân Banh, xã TL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.
Bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 04/8/2023.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Lê Văn C, sinh năm 1967 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Sân Banh, xã TL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/6/2023, đơn yêu cầu thay đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thị Trúc P trình bày:

Vào ngày 06/6/2020 (Âm lịch), bà Nguyễn Thị Trúc P là hụi viên có tham gia chơi 01 dây hụi mệnh giá 5.000.000 đồng, do bà Nguyễn Thị L làm chủ hụi. Sau khi khui hụi xong, bà P đóng hụi sống đầy đủ, tuy nhiên đến ngày 06/11/2022 (Âm lịch), bà L tuyên bố vỡ hụi và ngừng khui hụi, đồng thời cũng không hoàn trả lại số tiền hụi mà bà P đã đóng. Số tiền hụi bà L còn thiếu lại bà P là 105.500.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu năm trăm nghìn đồng). Việc bà L làm chủ hụi nhằm tìm kiếm lợi nhuận và phát triển kinh tế gia đình, đồng thời ông Lê Văn C (Chồng bà L) biết việc bà L tham gia làm chủ hụi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà P vẫn giữ nguyên quan điểm tại đơn yêu cầu thay đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2023, cụ thể bà Nguyễn Thị Trúc P yêu cầu Tòa án xét xử buộc bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn C phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà P số tiền nợ hụi còn thiếu là 105.500.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu năm trăm nghìn đồng). Bà P không yêu cầu tính tiền lãi số tiền trên.

(Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là giấy nhận nợ, bút lục số 04)

* Tại bản tự khai ngày 04/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Thị L trình bày:

Bà Nguyễn Thị L thống nhất hoàn toàn với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Trúc P. Bà L có làm chủ hụi và bà P có tham gia chơi hụi của bà L, đồng thời bà L còn thiếu bà P số tiền hụi là 105.500.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu năm trăm nghìn đồng), tuy nhiên do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, người khác thiếu tiền bà L nhưng không trả nên bà L không có tiền hoàn trả cho bà P. Bà L đồng ý hoàn trả cho bà P số tiền hụi còn thiếu là 105.500.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu năm trăm nghìn đồng). Mục đích bị đơn Nguyễn Thị L làm chủ hụi là nhằm tạo ra lợi nhuận, phát triển kinh tế gia đình, lấy tiền lời từ hụi phục vụ sinh hoạt gia đình. Bà Nguyễn Thị L và ông C có đăng ký kết hôn năm 1987 tại Ủy ban nhân dân xã TL. Hiện tại, cuộc sống hôn nhân giữa bà với ông C bình thường. Việc bà Nguyễn Thị L làm chủ hụi, ông C biết, tuy nhiên mỗi lần bà Nguyễn Thị L nhờ ông C đi góp hụi, bà L đều phải trả tiền công cho ông C 150.000 đồng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông C từ chối tham gia tố tụng, vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ hay yêu cầu gì thể hiện quan điểm của ông C trong vụ án.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:*

- Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tuân theo đúng quy định của pháp luật. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C vắng mặt tại phiên Tòa là không thực hiện theo quy định tại Điều 70, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 47, 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu phường.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Trúc P về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" với bà Nguyễn Thị L, ông Lê Văn C.

Buộc bị đơn Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn C phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Trúc P số tiền hụi còn thiếu là 105.500.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Ghi nhận việc nguyên đơn Nguyễn Thị Trúc P tự nguyện không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Bị đơn Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn C vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị L, ông Lê Văn C là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án.

Bà Nguyễn Thị Trúc P có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Thị L làm chủ hụi, do đó quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn C cư trú tại ấp Sân Banh, xã TL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre, do đó Tòa án nhân dân huyện BĐ có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án.

Vào ngày 06/6/2020 (Âm lịch), bà Nguyễn Thị Trúc P là hụi viên có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Thị L làm chủ hụi, sau khi tham gia chơi hụi bà P đóng hụi sống đầy đủ, tuy nhiên bà Nguyễn Thị L bị vỡ hụi, mất khả năng thanh toán cho nguyên đơn Nguyễn Thị Trúc P là vi phạm Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu phường. Bị đơn Nguyễn Thị L đã thừa nhận còn thiếu lại nguyên đơn Nguyễn Thị Trúc P số tiền hụi là 105.500.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu năm trăm nghìn đồng) phù hợp với "Giấy nhận nợ" tại bút lục 04, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Trúc P về việc yêu cầu hoàn trả lại số tiền hụi 105.500.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu năm trăm nghìn đồng) là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015, do đó yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc P là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu buộc ông Lê Văn C có nghĩa vụ liên đới trả nợ.

Căn cứ theo Giấy kết hôn giữa bà L và ông C thể hiện có đăng ký kết hôn vào năm 1988 nên bà L và ông C là vợ chồng hợp pháp, hiện vẫn sống chung với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy: mục đích bà L làm chủ hụi, vay tiền để phụ lo sinh hoạt trong gia đình với ông C và nợ chung này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, nên buộc ông C có nghĩa vụ liên đới trả nợ với bà Nguyễn Thị L là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về lãi suất:

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Trúc P tự nguyện không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền nêu trên.

[6] Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BĐ về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc P được chấp nhận toàn bộ nên bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn C phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí với số tiền là: 105.500.000 đồng X 5% = 5.275.000 đồng (Năm triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 471, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 27, 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 92; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu phường.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc P đối với bà Nguyễn Thị L, ông Lê Văn C về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn C phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Trúc P số tiền nợ hụi là 105.500.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Trúc P không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

2.1. Bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn C phải có nghĩa vụ liên đới chịu là 5.275.000 đồng (Năm triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

2.2. Bà Nguyễn Thị Trúc P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.637.500 đồng (Hai triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0005053 ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn bà Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- UBND xã TL;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Đăng Phi